

3.12- TÌNH HÌNH AN NINH CHÂU Á

(*An Asian security standoff*)

Alan Dupont

The National Interest, May – June 2012

Người ta ít khi tiên đoán được những giờ phút xoay chiều của lịch sử. Và khi sự thay đổi xảy ra, nguyên lý này càng đúng. Tuy nhiên, có dấu hiệu rõ ràng cho thấy tại Đông Á, hệ thống cũ với sự thống trị của nước Mỹ không còn có thể kéo dài được trước sự thách thức đang nổi lên của Trung Quốc, cùng với sự yếu kém tương đối của cả Mỹ và Nhật Bản. Một sự thất bại của nền ngoại giao Hoa Kỳ để điều chỉnh cho hợp với thực tế đại cường mới này, hay của Trung Quốc để thích nghi với quyền lợi lâu dài của Mỹ và của Nhật, sẽ làm thiệt hại lớn cho Thế kỷ châu Á người ta hằng ca tụng, và sẽ làm cho Đông Á trở lại quá khứ đẫm máu và chia rẽ xưa kia. Những điều xảy ra ở vùng trọng điểm này sẽ gây ra hậu quả toàn cầu. Khi trọng tâm quyền lực kinh tế, quân sự chuyển dịch chắc chắn từ Đại Tây Dương qua Thái Bình Dương, người ta thấy rõ ràng là vùng Đông Á có mức quan trọng trung tâm cho trật tự quốc tế. Từ xưa đến nay, thế giới chưa bao giờ có ba đại cường nổi trội : Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản – đều là cường quốc Thái Bình Dương. Điều này hệ trọng cho mỗi quốc gia nếu Hệ thống cũ suy tàn nhanh chóng.

Trong gần 7 thập kỷ, Hệ thống này đã được chống đỡ bởi sức mạnh kinh tế và quân sự của Mỹ. Bắt đầu từ sự thua trận của Nhật Bản vào cuối Thế chiến II. Và 45 năm sau, lại được củng cố bởi sự sụp đổ của Liên Xô. Trong thời chiến tranh lạnh, sự nổi trội của Mỹ tại Đông Á đã làm mất hiệu lực cả ảo vọng và thực tế của sức mạnh quân sự của Liên Xô. Sau đó, có một “ khoảng khắc đơn cực ” ngắn ngủi, nước Mỹ đã có thể làm bất cứ điều gì nó muốn, mà không lo ngại tới một đối thủ cạnh tranh ngang sức hay những liên minh để cân bằng lực lượng. Nhìn lại quá khứ, nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng thống Georges W. Bush có thể được coi là đỉnh điểm của *Pax Americana* (Hòa bình do Mỹ lãnh đạo). Từ đó, nước Mỹ đã trượt dài xuống dốc, bị yếu hẳn với 10 năm chiến tranh ở Iraq và Afghanistan, một hệ thống chính trị ngáng trở lẫn nhau, và sự lây lan kéo dài từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Chính sách chuyển hướng về châu Á của Tổng thống Obama, và nỗ lực của ông tránh cho khu vực này khỏi bị ảnh hưởng của việc cắt giảm ngân sách quốc phòng, không thể che giấu được thực tế thanh đậm là khả năng của nước Mỹ định hình Đông Á không còn được như trước nữa.

Nhật Bản, đã có thời kỳ được coi là tiền đồn đáng tin cậy của hệ thống đồng minh của Mỹ tại Đông Á, và được ca ngợi vì tính năng động và uy tín của nó, sau hai thập kỷ khó khăn chính trị, kinh tế, đang trở thành một nguyên do đáng kể cho sự suy yếu của Trật tự Thế giới cũ. Tai nạn gần như chảy lỏng của lò hạt nhân Fukushima vào năm 2011 có thể được coi là một biến tính của sự suy tàn của chính sách ngày càng hướng nội của Nhật Bản. Đất nước này đã mất niềm tự tin và đang có nhiều vấn đề nội

bộ. Sự thay đổi lãnh đạo quá thường xuyên đã làm cho nước Mỹ có khó khăn trong việc hâm nóng lại đối tác chiến lược với Nhật Bản, hay là nắm rõ chiều hướng đất nước này đi về đâu. Điều này phản ánh rõ trong sự thất bại không đạt được thỏa thuận về việc rời chỗ căn cứ quân sự quan trọng ở Okinawa. Trong khi Nhật vẫn còn là một nền kinh tế lớn, GDP của nó đã không tăng trưởng trong suốt 20 năm qua, và đất nước này mất thế diện vì bị Trung Quốc chiếm mất vị trí nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới vào năm 2011. Dân số ngày càng già đi và giảm sút, Nhật Bản đang đối mặt với số phận cường quốc hạng hai ở Đông Á nếu nó không lấy lại đà tiến và mục tiêu của mình.

Nhưng sự nổi lên của Trung Quốc là lý do chính làm cho Washington mất khả năng ảnh hưởng tuyệt đối lên tình hình của khu vực. Trung Quốc có tới 1.4 tỉ dân, lớn bằng tổng dân số của Mỹ và phần còn lại của Đông Á hợp lại, đất nước này từ hàng thiên niên kỷ đã là một nền chính trị thống trị ở châu Á, và bây giờ, họ không giấu giếm đòi hỏi lại quy chế xưa kia. Giấc mộng này không còn là ảo vọng nữa, vì Trung Quốc hiện đại có đủ sức mạnh để thực hiện nó. Dân số và nền kinh tế của nó vượt qua tổng dân số và nền kinh tế của nước Đức phát xít, để quốc Nhật và Liên Xô cộng lại. Đó là những đại cường trước kia đã từng thách thức sức mạnh của Mỹ. Sự nổi lên lại của Trung Quốc tạo ra thách thức có độ phức tạp và cường độ lớn mà nước Mỹ hay phần còn lại của Đông Á chưa bao giờ gặp. Vấn đề khó hiểu chính là con đường các nhà lãnh đạo Trung Quốc đang theo đuổi. Thông thường được đặt ra bằng những cụm từ giản đơn là sự chọn lựa giữa “ một cổ đông có trách nhiệm ” hay một Nhà nước xét lại (1). Thật ra, Trung Quốc có vẻ mang cả hai tính chất này, thích nghi với những tiêu chuẩn của hệ thống quốc tế ngoại trừ khi quyền lợi cốt lõi của họ đụng chạm tới những tiêu chuẩn này.

Mặc dù được tiên đoán từ lâu, thật ra các nhà làm kế hoạch chính trị Mỹ đã nói tới hậu quả chiến lược của sự kiện này từ giữa thập kỷ 1990. Sự nổi trội của Trung Quốc gần đây được đẩy mạnh nhờ hai sự kiện : một là tài chính, hai là địa chính trị. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 đã làm cho nhiều người Trung Quốc nghĩ rằng nước Mỹ đang suy tàn, mang bệnh dần mỏng đế quốc (2) và sống vượt quá khả năng của mình. Niềm tin này có lẽ quá đáng, nhưng việc mang nợ hàng ngàn tỉ đô la đối với Trung Quốc đã làm cho Mỹ nằm ở thế yếu, và bị coi là kẻ nhờ vả vào quốc gia cạnh tranh chính của mình. Từ quan điểm là nước Mỹ có một nền tài chính suy yếu, đã làm cho các nhà lãnh đạo Trung Quốc mạnh dạn hơn tìm kiếm những lợi thế địa chính trị trong việc cạnh tranh với Mỹ về những vùng đang tranh chấp, nhất là Đông Á (3). Mối bận tâm lớn nhất của Bắc Kinh là sự quyết tâm rõ rệt muốn chiếm quyền sở hữu một số hải đảo đang tranh cãi, các vùng biển và tài nguyên của chúng ta Biển Hoa Đông và Biển Hoa Nam (Biển Đông của Việt Nam). Quan hệ của Trung Quốc với các cường quốc châu Á khác, Nhật Bản và Ấn Độ, ngày càng khó chịu, và nhiều quốc gia Đông Nam Á rất sợ mồm miệng tuyên truyền của Trung Quốc về sự bình đẳng khu vực, trong lúc Trung Quốc trở nên quá hùng mạnh, cả về kinh tế lẫn chính trị. Trong hai năm qua, Trung Quốc đã tuyên bố là Biển Đông của Việt Nam là “ lợi ích cốt lõi ” của họ, và tuyên bố thẳng thừng là họ sẽ hỗ trợ chính sách hiếu chiến của Bắc Triều Tiên, mặc dù quốc gia này đã liên tục khiêu khích và vi phạm các chuẩn mực quốc tế.

Nằm tại tâm điểm mối lo lắng của Mỹ và của khu vực về ý đồ quân sự tương lai của Trung Quốc, là chiến lược “ phòng vệ biển xa ” của họ. Chiến lược này có mục tiêu đẩy xa Hải quân Mỹ, càng xa bờ biển Trung Quốc càng tốt. Trung Quốc đang

muốn canh tân ba hạm đội ven bờ của mình thành một Hải quân biển sâu, đủ khả năng kiểm soát vùng Tây Thái Bình Dương và có thể viễn phóng sức mạnh (3B) hải quân tới vùng Trung Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Mục tiêu của Trung Quốc là một Học thuyết Monroe (4) với đặc tính của Trung Quốc, và họ đang nhanh chóng tăng cường khả năng để thực hiện mục tiêu đầy tham vọng này. Trong quan điểm của Trung Quốc, đây là điều hoàn toàn có ý nghĩa chiến lược. Vì rằng, nếu một nước Mỹ đang nổi lên vào thế kỷ 19, đã xây dựng được Học thuyết Monroe để ngăn chặn các cường quốc khác tìm kiếm ảnh hưởng ở Tây Bán Cầu, thì tại sao một nước Trung Quốc đang nổi lên, vào thế kỷ 21, lại không thể tìm kiếm một vị trí như vậy tại vùng Tây Thái Bình Dương ? Vấn đề là sự cương quyết của Bắc Kinh đẩy lùi Hải quân Mỹ đe dọa tới tình hình cân bằng lực lượng tại khu vực, và làm leo thang căng thẳng không những với Mỹ mà còn với cả Nhật Bản.

Quan hệ giữa Trung Quốc và Nhật Bản đã có đầy những căng thẳng. Cả hai quốc gia đều có vẻ không có khả năng vượt qua mối thù lịch sử, đang làm tồi tệ cách hành xử hiện nay của họ, và loại trừ mọi khả năng xấp lại gần nhau một cách thực sự. Mặc dù thương mại giữa Nhật và Trung Quốc đang phát triển, và làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế. Những căng thẳng tiềm ẩn này đôi khi lại bùng phát, phơi bày đường gãy sâu xa giữa hai dân tộc, và cho thấy khả năng sẽ có những tính toán sai lầm. Thí dụ gần đây nhất mang tính trầm trọng, xảy ra vào ngày 7-9-2010, vào lúc mà căng thẳng âm ỉ về quyền sở hữu hải đạo Điều Ngư (Senkaku) tại Biển Hoa Đông đã bùng lên sùng sục giữa một tàu đánh cá Trung Quốc, dám đâm vào một tàu biên phòng của Nhật Bản. Chuyện này đã làm cho quan hệ Trung Nhật xuống mức thấp nhất sau Thế chiến II. Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy mức độ bất tín nhiệm lẫn nhau rất cao : 87% người Nhật và 79% người Trung Quốc coi đất nước kia là “ không đáng tin cậy ” – 79% người Nhật nói rõ ràng là họ coi Trung Quốc là một mối đe dọa quân sự.

Người ta sẽ lầm lẫn nếu coi đó là cố ý của Trung Quốc muốn đối đầu quân sự với Mỹ và Nhật Bản, hoặc là Trung Quốc đã ở vị thế thay thế Mỹ trong vai trò cường quốc khu vực – có ảnh hưởng lớn nhất. Nhưng sự mạnh bạo của Trung Quốc cho thấy căng thẳng mang tính cơ cấu * là một cường quốc đang nổi lên muốn thách thức trật tự hiện hữu, và, theo định nghĩa như giáo sư Harvard Richard Rosecrance và Giáo sư Jia Quinggao, ĐH Bắc Kinh, đã điều tra : Trong 500 năm qua, có 6 hay 7 thách thức bá quyền đối với cường quốc đang thống trị dẫn tới xung đột. Chúng ta cũng biết rằng mối quan hệ kinh tế, thương mại mạnh mẽ giữa các bá quyền đang nổi lên và bá quyền đang suy tàn, có thể làm giảm bớt xung đột. Giống như trường hợp giữa nước Anh và nước Đức đã xảy ra đúng một thế kỷ trước. Lúc đó hai nước có quan hệ kinh tế phụ thuộc lẫn nhau rất sâu, nhưng không ngăn cản họ đã gây ra chiến tranh 1914. Như thế thật là sai lầm lớn khi kết luận là các mối liên hệ chặt chẽ giữa Mỹ và Trung Quốc làm cho xung đột quân sự không thể xảy ra.

Một số người theo chủ nghĩa tự do nghĩ rằng tính cạnh tranh đặc biệt, tư cách văn hóa và kinh nghiệm lịch sử của Trung Quốc làm cho họ bản thân ít xâm lấn hơn các dân tộc khác. Theo quan điểm này, Trung Quốc là một Nhà nước ngoại lệ, và có cách làm chính trị đối ngoại khác người. Tuy thế, ý tưởng rằng lịch sử Trung Quốc ít xâm lăng hơn hay ít bành trướng hơn, không đứng vững được trước sự xem xét chi ly. Cũng như những cường quốc khác, và đặc biệt là Hoa Kỳ, Trung Quốc đã có lịch sử lâu dài về chủ nghĩa bành trướng, và đã khống chế các quốc gia lân bang. Mặc dù họ mang tính chất khác với chủ nghĩa thực dân châu Âu, mục đích của hệ thống *các quốc*

gia triêu công của Trung Quốc là sự áp đặt quyền lực thống trị của Trung Quốc lên các quốc gia lân bang và các chính sách của họ. Đây là đặc điểm mà các nước châu Á không quên được. Trong lúc Bắc Kinh coi việc thống nhất với Đài Loan và bình định Tây Tạng là sự tái lập quyền lực của Trung Quốc trên vùng quê cha đất tổ, đã bị mất cho ngoại bang, người ta có thể đưa ra một kết luận khác : chính sách của Bắc Kinh đối với Đài Loan và Tây Tạng phản ánh một cách hành xử tương tự cho cả khu vực rộng lớn hơn. Chắc chắn, chủ nghĩa phục thù của Trung Quốc không tạo nên sự tín nhiệm của khu vực, và *Pax Sinica* (Hòa bình dưới sự lãnh đạo của Trung Quốc) không thể chứng tỏ sẽ bình đẳng, ổn định và hòa bình hơn là *Pax Americana*.

Nhưng nếu *Pax Sinica* thiếu hấp dẫn, thì *Pax Americana* không thể kéo dài hình thức hiện nay. Loại hình trật tự mới nào có thể nổi lên ở châu Á, để duy trì được hòa bình và thích ứng với nguyện vọng của các quốc gia trong khu vực ?

Một khả năng là “ *sự hòa hợp Á châu* ” (*Concert of Asia*).

Lý thuyết này rút ra từ sự thỏa thuận giữa các cường quốc thời hậu Napoleon, đã kiểm soát châu Âu trong phần hết thế kỷ 19 (5). Những người ủng hộ chủ thuyết này cho rằng khi châu Á không có một quốc gia thống trị, một “ hòa hợp châu Âu ” với đặc tính của châu Á sẽ là một triển vọng cho hòa bình và ổn định khu vực. Để có thể tham gia vào nhóm này cần phải là những cường quốc mạnh nhất. Có 5 thí sinh rõ rệt : Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và Indonesia.

Một vấn đề khó khăn rõ rệt ở đây là thái độ do dự của các quốc gia nhỏ hơn ở Đông Á liệu có chấp nhận để cho quyền lợi của họ nằm dưới quyền tài phán của các Đại cường ? Chuyện này đi ngược lại chiều hướng địa phương chủ nghĩa ở châu Á trong 2 thập kỷ vừa qua, với trọng tâm làm cho các quốc gia đó cường thịnh, và quản lý tập thể các vấn đề an ninh khu vực. Nó cũng không đề ý tới sự tàn quyền toàn cầu, đi theo điều mà Fareed Zakaria gọi là “ sự nổi lên của phần còn lại của thế giới ”. Các quốc gia mạnh mẽ, tầm mức trung bình đang đòi hỏi phải có tiếng nói trong các sự việc của khu vực và của thế giới, và họ không sẵn sàng chấp nhận sự hồi sinh của sự thống trị bởi các cường quốc. Cũng khó mà quan niệm được là các cường quốc đồng ý giữ vai trò giúp việc trong “ hòa bình châu Á ”. Nhật Bản quá yếu, Trung Quốc không muốn, và các giá trị chính trị của họ quá khác biệt, Ấn Độ đang ngập đầu trong các vấn đề của chính nó, tham vọng địa chính trị của Indonesia chỉ giới hạn ở Đông Nam Á, và Mỹ không có khuynh hướng cũng như không có nguồn lực để nắm vai trò lãnh đạo có củng cố ở châu Á. Có điều gì đặc biệt trong cách lý luận cho rằng Mỹ phải chấp nhận điều không tránh khỏi, và chia sẻ quyền lực với Trung Quốc như một quốc gia ngang hàng ?

Song song với nhóm G-2 là nhóm Á châu-2, cho phép Bắc Kinh và Washington chia khu vực này ra thành từng vùng ảnh hưởng, giống như tình trạng Mỹ và Liên Xô đã tìm cách chia đôi châu Âu trong thời gian đầu của chiến tranh lạnh. Lý luận này bề ngoài có vẻ hấp dẫn vì nó cho phép có triển vọng một thời kỳ quá độ hòa bình tiến tới một trật tự quốc tế mới. Nhưng chia sẻ quyền lực giữa Mỹ và Trung Quốc có vẻ không thực hiện được vì hai lý do : thứ nhất, không có chính phủ Mỹ nào, dù thuộc đảng phái chính trị nào lại tình nguyện nhượng bộ quyền hành cho Trung Quốc, cũng như Trung Quốc cũng sẽ không làm như vậy, nếu vai trò của họ đảo ngược ; thứ hai, quy chế đại cường mới của Trung Quốc không phải là không có trở ngại. Nó cũng không bảo đảm

là sẽ tồn tại lâu dài, vì họ đang đối mặt với những thách thức quan trọng về môi trường, tài nguyên, kinh tế và nhân khẩu, chứ chưa kể tới nước Mỹ đối thủ không có dấu hiệu gì cho thấy đang ở trong thời kỳ suy tàn cuối cùng, mặc dù hiện nay có khó khăn về kinh tế. Có thể sớm hơn họ nghĩ, Bắc Kinh sẽ phải đối mặt với sự hồi sinh của Washington, kiên quyết xác định lại những quyền lợi chiến lược của nước Mỹ.

Lúc đó, câu hỏi sẽ là : liệu Mỹ và Trung Quốc có thể bảo đảm được một cuộc cạnh tranh lành mạnh, mà không dẫn tới những ham muốn máu lửa, chúng sẽ làm trầm trọng thêm sự mất an ninh và đưa tới đưng độ trầm trọng ? Điều này có lẽ khó, nếu không phải là không thể được, nếu Bắc Kinh còn duy trì chiến lược chính trị quân sự hiện nay ở Tây Thái Bình Dương. Cũng giống như mọi quốc gia khác, Trung Quốc có quyền canh tân quân đội, và bảo vệ quyền lợi an ninh hợp pháp của họ. Nhưng sự khẳng định của Bắc Kinh về đòi hỏi lãnh thổ tại các biển Hoa Đông và Hoa Nam (Biển Đông của Việt Nam) sẽ là phản tác dụng – làm lo sợ lân bang, làm tăng quan ngại của cộng đồng quốc tế về tham vọng chiến lược của Trung Quốc, và gây ra cách hành xử tự vệ trong khu vực. Những thách thức của Trung Quốc đối với sức mạnh hải quân của Mỹ tại Đông Á sẽ đánh ngay vào sự tin tưởng của người Mỹ là sự thống trị thường trực của hải quân Mỹ tại Thái Bình Dương không những quan trọng cho an ninh Mỹ, mà còn cho vị thế của Mỹ là một cường quốc thế giới nổi trội. Điều này có thể bảo đảm sự đáp trả quân sự và chính trị cho mọi hành động xâm lấn của Trung Quốc.

Bắc Kinh hay có giọng mỹ từ, chính thức không thỏa hiệp, khi phải đối phó với các vấn đề nhạy cảm về chính trị và quyền tự chủ ; cũng như là ý muốn của chính phủ chấp nhận và đôi khi thúc đẩy tình cảm dân tộc chủ nghĩa ở trong nước. Những việc này làm trầm trọng và phức tạp thêm các tranh chấp với Mỹ và Nhật Bản. Một nước Trung Quốc đa nguyên hơn, và có liên hệ với toàn thế giới, sẽ làm cho các chính sách đối ngoại không còn là quyền đặc biệt dành cho Ủy ban Thường vụ của Bộ Chính trị, và một nhóm nhỏ chính khách ủng hộ Ủy ban này, nằm trong Bộ ngoại giao hay Hội đồng Nhà nước. Các tình cảm dân tộc chủ nghĩa được phơi bày trong các phòng trà, blog và internet làm phức tạp, và làm khó dự đoán, việc quản lý quan hệ Trung-Mỹ hay Trung-Nhật. Dĩ nhiên không quốc gia nào thoát khỏi việc nói xấu đối thủ cạnh tranh, ví dụ như “ sự đả phá Nhật Bản ” (*Japan bashing*) tại Mỹ trong những năm 1980. Nhưng cơn ác mộng của chủ nghĩa dân tộc cực đoan sẽ có hậu quả đặc biệt làm mất ổn định ở Trung Quốc. Tại đó, những báo cáo giật gân, gây xúc cảm, thông thường được gán cho báo chí phương Tây, sẽ làm khó khăn cho các nhà lãnh đạo Trung Quốc tránh khỏi cái nhìn sơ sài, hơn là phán đoán một cách tinh vi, về ý muốn và khả năng của Mỹ. Nếu Bắc Kinh chưa sẵn sàng chấp nhận tự do báo chí, họ phải chấp nhận trách nhiệm về một sự bùng nổ của báo chí có kiểm duyệt.

Trong lúc đó, thách thức từ phía Mỹ, là triển khai một chiến lược chặt chẽ hơn về Trung Quốc, và công nhận công khai lo ngại của Bắc Kinh về vấn đề nguyên liệu, và hậu quả là Trung Quốc thấy cần phải đảm nhận trách nhiệm lớn hơn trong việc bảo vệ các tuyến đường biển tại Tây Thái Bình Dương. Trong những lời cắt nghĩa của phương Tây về cách hành xử ngày càng mạnh bạo của Trung Quốc, có một điểm thiếu : công nhận sự quan trọng kinh tế mà Bắc Kinh gán cho các con đường huyết mạch này (Vùng biển Đông). Biển này là con đường lớn cho thương mại quốc tế, và

có nhiều mỏ khoáng sản và sinh vật biển có giá trị. Vào năm 2030, sẽ có tới 80% dầu hỏa của Trung Quốc và 50% khí đốt sẽ được nhập khẩu bằng đường biển, qua eo biển Malacca, Một điểm nghẽn hàng hải cổ điển, vì nó rất hẹp và nông, vì số lượng tàu bè đông đảo mỗi ngày qua lại, và tính dễ bị thương tổn của eo biển này mỗi khi có sự cấm vận.

Tốc độ tăng trưởng nhiên liệu Trung Quốc chưa từng có trong lịch sử. Trong dưới 20 năm, nước này đã chuyển đổi từ một quốc gia xuất khẩu ròng qua nhập khẩu hơn 55% số dầu cần có. Nhập khẩu dầu thô tăng 17,5% riêng cho năm 2010. Sự dễ thương tổn nguồn tài nguyên này là mối đau đầu cho các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Họ không những lo về nạn khủng bố, cướp biển và tàn phá môi trường cho việc cung cấp, họ còn lo ngại các quốc gia cạnh tranh lớn khác kiểm soát hoàn toàn eo biển Malacca và hầu hết miền Tây Thái Bình Dương. Khi nói về song đề Malacca, chủ tịch Hồ Cẩm Đào đầu tiên nêu ra mối lo ngại này vào 2005, và từ đó quan chức Trung Quốc đã nói rõ Trung Quốc không trông đợi an ninh hàng hải tại vùng Tây Thái Bình Dương với Hải quân Mỹ. Như thế dù Mỹ và Nhật Bản muốn hay không, hải quân Trung Quốc đã hiện diện thường xuyên hơn ở Tây Thái Bình Dương, và xa tới tận eo Malacca. Đây là hậu quả tự nhiên của sự tăng trưởng trọng lượng kinh tế và chiến lược của Trung Quốc, cũng giống như sự nổi lên của Hải quân Mỹ báo hiệu là Mỹ đã trở thành đại cường vào đầu Thế kỷ 20.

Có một mối nguy hiểm nữa là chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc không nhất quán. Trong hai thập kỷ vừa qua, chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc là một mớ hỗn độn giữa cam kết, đối tác, cạnh tranh, phòng vệ và dạy bảo Trung Quốc về cách tổ chức cơ cấu chính trị nội bộ. Khi tình cảm bức bối và thù địch của quần chúng đối với Bắc Kinh tăng lên, các chính quyền Mỹ đã cố trấn an dư luận là Trung Quốc sẽ không trở nên một tên quậy phá đối với những thất bại chính trị nội bộ của Mỹ, hay là Trung Quốc sẽ thay thế Liên Xô để trở thành một ông ba bị chiến lược. Mọi nỗ lực bên xấu Trung Quốc sẽ phản tác dụng đối với quyền lợi chiến lược của Mỹ tại Đông Á. Nó sẽ làm giảm uy tín của phe ôn hòa trong giới lãnh đạo Trung Quốc, và khuyến khích sự đáp trả, làm trầm trọng thêm các căng thẳng hiện có.

Cách thức mà Mỹ và Trung Quốc quản lý quan hệ của họ có hậu quả chiến lược rộng lớn hơn vùng Đông Á. Khi cạnh tranh tăng lên, ngăn chặn leo thang xung đột không phải là chuyện dễ. Đó không cần phải là vì Bắc Kinh có tham vọng lãnh thổ, hay trở thành một cường quốc xét lại, hay là có chuẩn mực giá trị khác với Mỹ. Những điều này có thể quản lý được. Mối nguy hiểm thực sự là tính dễ thương tổn của các nguồn tài nguyên của Trung Quốc, và ý thức của nước này được quyền hưởng và quyết tâm lập lại vị trí thống trị lịch sử của họ tại Đông Á. Những mối nguy này làm cho khu vực lo ngại sâu xa hơn về cách hành xử của Trung Quốc và tạo ra sự đáp trả của Mỹ và Nhật Bản. Điều này có thể tạm thời tạo ra một biến thể hiện đại của song đề an ninh cổ điển, đã được lý thuyết gia nổi tiếng về quan hệ quốc tế Kenneth Waltz đúc kết cách đây nửa thế kỷ : khi tìm cách tăng cường an ninh bằng cách xây dựng lực lượng quân sự mạnh mẽ, các Nhà nước lớn thường làm tăng sự mất an ninh cho những nước khác, vì lực lượng quân sự này thông thường bị coi là mối đe dọa tiềm ẩn, hơn là một biện pháp phòng vệ hợp lý.

Trung Quốc đã tìm cách thử sức tính cương quyết của Washington tại miền Tây Thái Bình Dương, bằng biện pháp “ thăm dò ngoại vi ”, kết quả là có sự đáp trả mạnh

mẽ của Mỹ. Hải quân và không quân Mỹ đang có một kế hoạch để tiêu diệt và làm mù khả năng tiềm ẩn của tên lửa Trung Quốc, bằng chiến lược “chiến tranh trên không và trên biển”. Chiến lược này nhanh chóng được Washington ủng hộ. Điều này có thể nhanh chóng biến thành một cuộc chạy đua vũ trang, kéo theo các quốc gia khác đang lo ngại về sức mạnh quân sự đang lên của Trung Quốc. Nếu muốn tránh một kết thúc tồi tệ, người ta cần phải có cam kết dài hạn về xây dựng lòng tin và ngoại giao ngăn ngừa, cũng như phải lập ra một hệ thống hữu hiệu quản lý các rủi ro, để có thể ngăn chặn các tranh chấp địa phương và các sự cố, không leo thang thành những xung đột lớn bao trùm cả khu vực.

Tóm lại, sự giải tán hệ thống cũ tại Đông Á đã tạo ra cán cân quyền lực mong manh tại khu vực này, và tham vọng khu vực của Trung Quốc làm tình hình bất ổn. Mặc dù người ta có thể hiểu được tham vọng này, và người ta cũng hiểu được sự cương quyết của Mỹ cứu vớt vai trò thống trị đã có của mình.

Liệu hai quốc gia này có thể quản lý thành công thời kỳ quá độ, và nhờ đó ổn định được cán cân quyền lực trong khu vực, đó là câu hỏi chính mà châu Á đang đối mặt – và cả thế giới nữa – trong thời đại đầy biến chuyển thế giới hiện nay.

Alan Dupont

ĐH New South Wales, Úc